

Bản án số: 07/2026/DS - ST
Ngày 07/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi;
2. Bà Hoàng Lệ Chi;

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thanh Thủy.

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 600/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2025/QĐXXST-DS ngày 27/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2025/QĐST-DS ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T6 (Việt Nam); Địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Tuyết L, sinh năm 2002; địa chỉ: P, Tầng D, 739/49/1 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Phương T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số D khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số D, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 21/08/2025, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam) trình bày:*

Ngày 21/06/2023, Công ty T6 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T6) ký Hợp đồng tín dụng số: 4708116 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Đỗ Phương T với khoản vay trị giá 33.171.600 đồng (giải ngân ngày 21/06/2023, trong đó khoản vay 30.800.000 đồng và bảo hiểm 2.371.600 đồng) mức lãi suất: 50%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T6 đã giải ngân đúng quy định trong Hợp

đồng tín dụng cho ông Đỗ Phương T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Đỗ Phương T nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 05/07/2023 đến ngày 05/06/2026.

Sau khi được giải ngân, ông Đỗ Phương T đã thanh toán được tổng số tiền là 35.457.662 đồng (20 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 6.831.774 đồng, tiền lãi đã trả là 28.378.966 đồng và phí thu hộ 246.922 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 11/03/2025 ông Đỗ Phương T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T6 đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 05/04/2025, Công ty T6 bắt đầu chuyển nợ quá hạn từng kỳ thanh toán mà ông Đỗ Phương T vi phạm.

Công ty T6 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Phương T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T6 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Đỗ Phương T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Đỗ Phương T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T6.

Căn cứ Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì ông Đỗ Phương T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T6.

Tính đến ngày 07/01/2026, ông Đỗ Phương T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.339.826 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 8.303.400 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 4.171.007 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 362.291 đồng. Tổng cộng: 39.176.524 đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng)

Nay nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc ông Đỗ Phương Thanh thanh T2 cho Công ty T6 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2026 là: 39.176.524 đồng, trong đó: 26.339.826 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 8.303.400 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 4.171.007 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 362.291 đồng.

Buộc ông Đỗ Phương Thanh thanh T2 lãi, phí phát sinh từ ngày 08/01/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với bị đơn ông Đỗ Phương T.

Tòa án đã triệu tập họp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 27/11/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 17/12/2025 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn trong vụ án cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 17/12/2025 và ngày 07/01/2026 nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Đỗ Phương Thanh thanh T2 số tiền theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký ngày 21/06/2023. Bị đơn có địa chỉ tại số D khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số D, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Phương T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào ngày 17/12/2025 và ngày 07/01/2026 nhưng ông Đỗ Phương T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng, ông Đỗ Phương T đã được Tòa án triệu tập để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Bị đơn không cung cấp bất cứ chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu cấp tín dụng ngày 21/06/2023 giữa Công ty T6 với ông Đỗ Phương T được ký kết giữa người có thẩm quyền của Công ty T6 với ông Đỗ Phương T, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ...phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Sau khi được cấp tín dụng, ông T đã thanh toán được tổng số tiền là 35.457.662 đồng (20 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 6.831.774 đồng, tiền lãi đã trả là 28.378.966 đồng và

phí thu hộ 246.922 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 11/03/2025 ông Đỗ Phương T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T6 đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 05/04/2025, Công ty T6 bắt đầu chuyển nợ quá hạn từng kỳ thanh toán mà ông Đỗ Phương T vi phạm.

[2.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T6 tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2026 là 39.176.524 đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.339.826 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 8.303.400 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 4.171.007 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 362.291 đồng.

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 08/01/2026 cho đến ngày thực tế ông Đỗ Phương T trả hết nợ gốc cho Công ty T6 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đỗ Phương T phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T6 đối với bị đơn ông Đỗ Phương T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Đỗ Phương T phải trả cho Công ty T6 tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2026 là 39.176.524 đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng) trong đó: Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.339.826 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm ba mươi chín ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng); T4 lãi trong hạn: 8.303.400 đồng (tám triệu ba trăm lẻ ba ngàn bốn trăm đồng); T4 lãi quá hạn: 4.171.007 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi một ngàn không trăm lẻ bảy đồng); T4 lãi chậm trả: 362.291 đồng (ba trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm chín mươi một đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Phương T phải chịu 1.958.826 đồng (Bằng chữ: Một triệu chín trăm năm mươi tám ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng). Trả lại cho

Công ty T6 783.690 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024197 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM (01);
- VKSND khu vực 16, TP.HCM (01);
- Thi hành án DSTP.HCM (01);
- Đương sự (05);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên